



GIẤY PHÉP

THIẾT LẬP MẠNG VIỄN THÔNG
CÔNG CỘNG



Số: **64** /GP-CVT

Hà Nội, ngày **31** tháng **3** năm 2022

GIẤY PHÉP

THIẾT LẬP MẠNG VIỄN THÔNG CÔNG CỘNG

(Có giá trị đến hết ngày **31** tháng **3** năm 2037)

Cấp lần đầu ngày **31** tháng **3** năm 2022.

CỤC TRƯỞNG CỤC VIỄN THÔNG

Căn cứ Luật Viễn thông số 41/2009/QH ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông đã được sửa đổi, bổ sung theo các Nghị định số 81/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Nghị định số 49/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Thông tư số 12/2013/TT-BTTTT ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 569/QĐ-BTTTT ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 2099/QĐ-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc giao nhiệm vụ cho cán bộ;

Xét Đơn kèm Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông số 0912/DDN-ASIM ngày 09 tháng 12 năm 2021 và Hồ sơ bổ sung đính kèm công văn số 0802.1/ASIM ngày 08 tháng 02 năm 2022 và số 0803.1/ASIM ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Công ty cổ phần viễn thông ASIM (sau đây gọi là Hồ sơ);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Cấp phép và Tài nguyên,

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG ASIM
Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG ASIM
Tên giao dịch quốc tế: ASIM TELECOM JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: ASIM TELECOM

Địa chỉ trụ sở chính: 09 Sông Nhuệ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0315981331, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2019, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 21 tháng 10 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp (sau đây gọi là Doanh nghiệp) được thiết lập mạng viễn thông công cộng theo các quy định sau:

1. Mục đích: Doanh nghiệp được phép thiết lập mạng viễn thông công cộng nhưng không bao gồm việc cho phép cung cấp dịch vụ viễn thông và dịch vụ ứng dụng viễn thông.

Để cung cấp dịch vụ viễn thông, dịch vụ ứng dụng viễn thông trên mạng viễn thông công cộng được thiết lập theo Giấy phép này, Doanh nghiệp phải có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông, giấy phép cung cấp dịch vụ ứng dụng viễn thông theo quy định của pháp luật chuyên ngành tương ứng.

2. Loại mạng viễn thông công cộng: Doanh nghiệp được phép thiết lập mạng viễn thông di động mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (mạng viễn thông di động ảo) theo sơ đồ tại Phụ lục 01 Giấy phép này.

3. Phạm vi thiết lập mạng: Doanh nghiệp được phép thiết lập mạng viễn thông công cộng trên phạm vi toàn quốc.

4. Kết nối: Doanh nghiệp được kết nối mạng viễn thông công cộng được thiết lập theo Giấy phép này với các mạng viễn thông khác, có nghĩa vụ cho các doanh nghiệp viễn thông khác kết nối vào mạng viễn thông công cộng được thiết lập theo Giấy phép này theo các quy định về quản lý kết nối.

5. Kho số: Doanh nghiệp được cấp và sử dụng mã, số, điểm báo hiệu và số thuê bao viễn thông theo quy hoạch và quy định quản lý kho số viễn thông.

6. Tần số vô tuyến điện: Doanh nghiệp không được cấp và sử dụng băng tần số vô tuyến điện để thiết lập mạng viễn thông công cộng nêu tại Giấy phép này theo quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia và các quy định về quản lý tần số vô tuyến điện.

Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, Doanh nghiệp có nghĩa vụ:

1. Thực hiện đầy đủ các nội dung cam kết tại Phụ lục Giấy phép để thiết lập hạ tầng mạng viễn thông như quy định tại Giấy phép này.

2. Đầu tư, phát triển mạng viễn thông công cộng phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển viễn thông tại Việt Nam, quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, quy hoạch hạ

tầng viễn thông thụ động của doanh nghiệp được Ủy ban Nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt và theo các nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp phép.

3. Tuân thủ các quy chuẩn quốc gia trong việc thiết lập mạng theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin, chịu sự kiểm soát của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện hoạt động viễn thông công ích và các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về tình hình phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực viễn thông theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện kết nối với hệ thống thu thập số liệu về viễn thông của Cục Viễn thông theo quy định của pháp luật.

10. Công bố nội dung Giấy phép này theo quy định tại Khoản 6 Điều 23 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 81/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông.

11. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí và đóng góp tài chính vào Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định của pháp luật.

12. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

13. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

KT, CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Phong Nhã

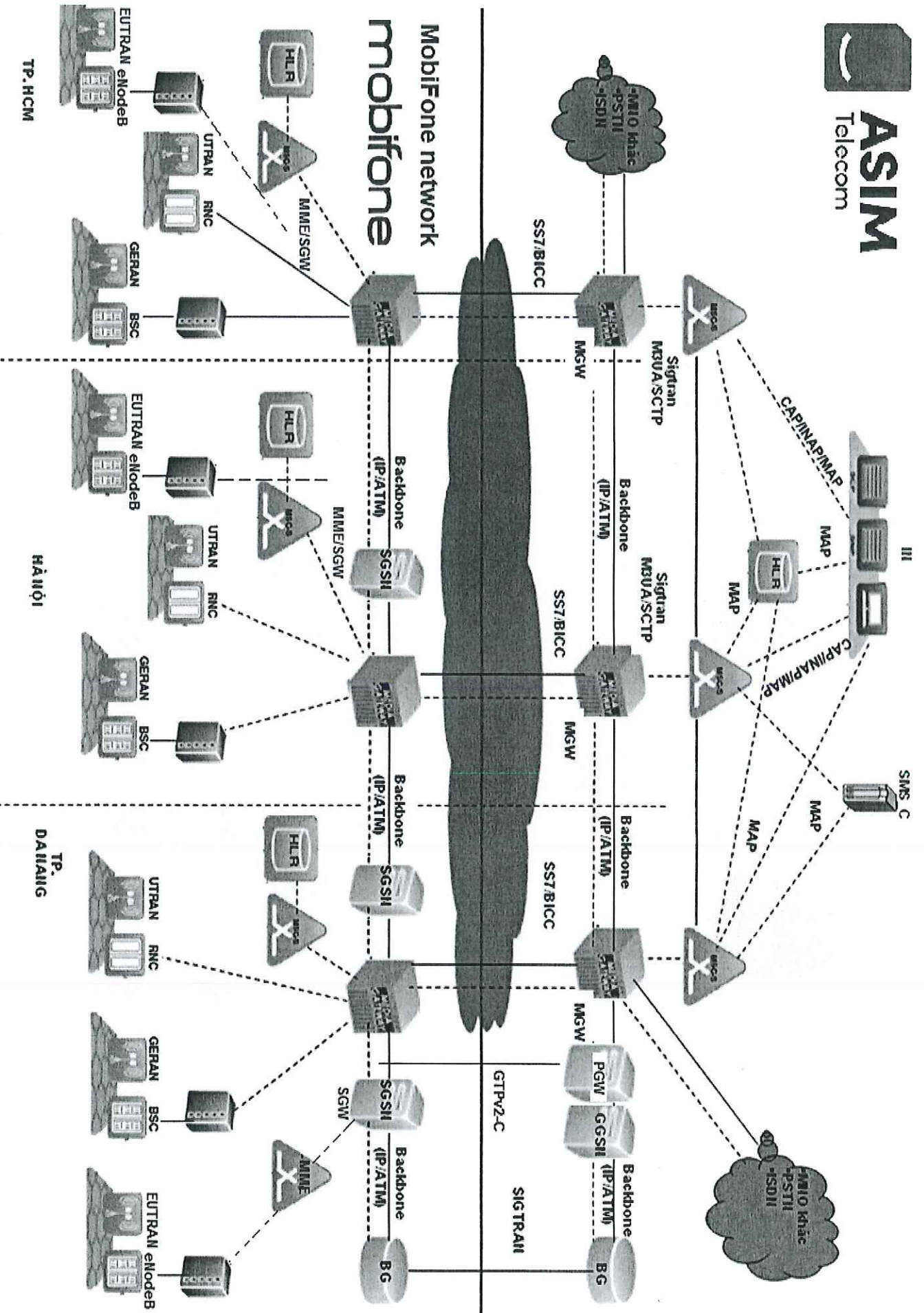
PHỤ LỤC 01

**Sơ đồ thiết lập mạng viễn thông công cộng của Công ty cổ phần
viễn thông ASIM**

*(Đính kèm Giấy phép số **64** /GP-CVT ngày **31** tháng **3** năm 2022)*



ASIM
Telecom



PHỤ LỤC 02

**Cam kết thực hiện Giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng
của Công ty cổ phần viễn thông ASIM**

(Đính kèm Giấy phép số 64 /GP-CVT ngày 31 tháng 3 năm 2022)

Số: 0803.4/ASIM-CKTHGP

Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2022

CAM KẾT THỰC HIỆN

GIẤY PHÉP THIẾT LẬP MẠNG VIỄN THÔNG CÔNG CỘNG

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị số 0912/DDN-ASIM ngày 09/12/2021 và Bổ sung theo yêu cầu của Cục Viễn thông tại công văn số 868/CVT-CPTN ngày 04/03/2022)

Kính gửi: **Cục Viễn thông**

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (tên ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa): **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG ASIM**

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư): **09 Sông Nhuệ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đầu tư số: 0315981331 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/10/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 21/10/2021.

Điện thoại: 02873004664

Website: <http://www.myLocal.vn>

Chấp hành Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009 của Quốc hội, Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 04 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông, Công ty cổ phần Viễn thông ASIM:

1. Cam kết thực hiện đúng các quy định tại Giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng;
2. Cam kết đầu tư để thiết lập mạng viễn thông công cộng như sau:
 - a. Trong vòng 03 (ba) năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, cam kết đầu tư để phát triển mạng viễn thông theo quy mô, phạm vi như sau:



Năm thứ ba	Xây dựng hạ tầng mạng Full MVNO	Private cloud, ảo hoá, digital workspace, collaboration	83.412	01 hệ thống	83.412
		Sales & Marketing Automation	24.145	01 hệ thống	24.145
		Customer Experience Management	17.424	01 hệ thống/ tổng: 1 triệu 500 nghìn thuê bao	17.424
		Inventory, ERP (nâng cấp, mở rộng)	14.797	01 hệ thống	14.797
		MSC-S	33.212	số lượng 05/2 triệu 500 nghìn thuê bao	166.060
		MGW	29.891	số lượng 05/2 triệu 500 nghìn thuê bao	149.454
		HLR/HSS	62.273	số lượng 01/2 triệu 500 nghìn thuê bao	62.273
		NMS/OMC	24.909	số lượng 01	24.909
		Thuê/đầu tư thiết bị (nguồn điện, điều hoà, UPS, máy phát), máy chủ và ảo hoá, CSDL, kết nối leased line đến MNO	34.500	01 hệ thống	34.500
		Hệ thống OCS (Online Charging System)/PCRF (Policy and Charging Rules Function), Billing (nâng cấp, mở rộng)	35.288	01 hệ thống/ tổng: 2 triệu 500 nghìn thuê bao	35.288
		Hệ thống IMS	10.379	01 hệ thống	10.379
		Hệ thống Big Data, Advanced Analytics	20.220	01 hệ thống	20.220
		Private cloud, ảo hoá (nâng cấp, mở rộng)	39.790	01 hệ thống	39.790
		Sales Management and Distribution Management (nâng cấp, mở rộng)	25.352	01 hệ thống	25.352
					602.056

	Customer Care & Customer Management (nâng cấp, mở rộng)	18.295	01 hệ thống/ tổng: 2 triệu 500 nghìn thuê bao	18.295
	ERP (nâng cấp, mở rộng)	15.537	01 hệ thống	15.537

b. Trong toàn bộ thời hạn của Giấy phép, cam kết đầu tư để phát triển mạng viễn thông theo quy mô, phạm vi như sau:

TT	Phạm vi	Hạng mục	Đơn giá (triệu VNĐ)	Số lượng/ Dung lượng	Thành tiền (triệu VNĐ)	Tổng Kinh phí đầu tư (triệu VNĐ)
		MGw	27.331	bổ sung: số lượng 04/ 2 triệu 500 nghìn thuê bao -> tổng: số lượng 09/ 5 triệu thuê bao	109.326	
		HLR	56.201	bổ sung: số lượng 01/ 2 triệu 500 nghìn thuê bao -> tổng: số lượng 02/ 5 triệu thuê bao	56.201	
Đến năm thứ năm	Nâng cấp, mở rộng, tối ưu hạ tầng Full MVNO	Hệ thống OCS (Online Charging System)/PCRF (Policy and Charging Rules Function), Billing	91.696	01 hệ thống/ tổng: 5 triệu thuê bao	91.696	496.429
		Hệ thống Campaign Management, Service Delivery Platform (nâng cấp, mở rộng)	28.594	01 hệ thống	28.594	
		Hệ thống Big Data, Advanced Analytics (nâng cấp, mở rộng)	49.351	01 hệ thống	49.351	
		Private cloud, ảo hoá (nâng cấp, mở rộng)	51.622	01 hệ thống	51.622	
		Sales Management and Distribution Management (nâng cấp, mở rộng)	46.965	01 hệ thống	46.965	

		Customer Care & Customer Management (nâng cấp, mở rộng)	33.892	01 hệ thống/ tổng: 5 triệu thuê bao	33.892
		ERP (nâng cấp, mở rộng)	28.782	01 hệ thống	28.782
		CRM	51.210	01 hệ thống	51.210
	Nâng cấp, mở rộng, tối ưu hạ tầng Full MVNO và triển khai các dịch vụ mới	IMS/VoLTE	248.290	01 hệ thống/ 3 triệu thuê bao	248.290
		Service Platform	151.320	01 hệ thống	151.320
		Big Data Analytics (nâng cấp, mở rộng)	102.170	01 hệ thống	102.170
		Hệ thống BSS/OSS (nâng cấp, mở rộng)	147.010	01 hệ thống	147.010
		CRM, Sales & Marketing	51.210	01 hệ thống	51.210
		IoT platform	240.190	01 hệ thống	240.190
	Nâng cấp, mở rộng hạ tầng mạng MVNO và triển khai các dịch vụ mới	Service Platform (nâng cấp, mở rộng)	160.320	01 hệ thống	160.320
		Business Process & Automation	109.170	01 hệ thống	109.170
		Hệ thống BSS/OSS (nâng cấp, mở rộng)	140.020	01 hệ thống	140.020
		AI/ML	99.090	01 hệ thống	99.090
Đến hết thời hạn của giấy phép					800.000

Công ty cổ phần Viễn thông ASIM chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ nộp phạt vi phạm theo quy định của pháp luật về viễn thông nếu vi phạm thực hiện Giấy phép./.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG ASIM

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



VU MINH TRÍ



